

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024
của huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT, ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án cần thu hồi đất trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị quyết số 149/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua việc chuyển mục đích đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long để thực hiện công trình, dự án;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tại Tờ trình số 345/TTr-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5464/TTr-STNMT ngày 22 tháng 12 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp xã (ha)														
				Thị trấn Long Hồ	Xã Long An	Xã Phú Đức	Xã Long Phước	Xã Thanh Đức	Xã Bình Hòa Phước	Xã Hòa Ninh	Xã Đồng Phú	Xã An Bình	Xã Phước Hậu	Xã Tân Hạnh	Xã Lộc Hòa	Xã Phú Quới	Xã Thạnh Quới	Xã Hòa Phú
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(19)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
-	Đất giao thông	DGT	807,52	23,49	57,13	68,91	49,33	62,48	36,30	36,63	46,50	36,72	47,57	88,63	53,01	72,41	69,12	59,29
-	Đất thủy lợi	DTL	546,00	6,26	60,30	75,41	37,07	32,47	0,95	17,62	20,23	46,49	30,62	50,80	31,16	51,62	30,67	54,32
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	6,62	1,86		0,25				0,25	0,14	0,19		0,17	0,34	3,43		
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	10,19	0,76	0,15	0,15	4,14	2,74	0,09		0,09	0,07	0,16	0,12	1,31	0,12	0,10	0,17
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	72,39	4,30	1,35	1,96	5,73	2,31	1,53	3,92	2,63	1,62	3,40	2,37	4,26	34,01	1,41	1,60
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	5,53	3,13						0,98				1,06				0,37
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2,67	0,01	0,45	0,69	0,24						0,16	0,43	0,05			0,64
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,55	0,11		0,02	0,07	0,06	0,01	0,02		0,01		0,09	0,13	0,02		0,02
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG																
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,18				2,86							0,32				
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	42,18	0,02														42,16
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	26,53	1,52	2,78	1,18	2,14	4,87	1,95	1,38	1,49	1,42	1,05	0,59	4,74	1,07	0,34	
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	51,33	1,52	3,77	5,62	6,99	3,52	2,33	1,86	1,96	3,00	3,36	4,51	6,62	2,95	1,11	2,21
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH																
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	8,24					6,84									1,40	
-	Đất chợ	DCH	3,14	0,74	0,10		0,12	0,29	0,04	0,26	0,15	0,16		0,09	0,43	0,49	0,26	
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	2,27	0,05	0,41	0,38	0,39	0,05	0,08		0,22	0,01	0,12	0,16	0,13	0,08	0,15	0,05
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	2,86	1,06		0,19		0,26						0,46	0,90			
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.308,04		84,18	92,22	123,64	109,74	80,87	82,68	105,72	98,68	87,26	105,04	93,87	119,57	54,39	70,19

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp xã (ha)														
				Thị trấn Long Hồ	Xã Long An	Xã Phú Đức	Xã Long Phước	Xã Thanh Đức	Xã Bình Hòa Phước	Xã Hòa Ninh	Xã Đồng Phú	Xã An Bình	Xã Phước Hậu	Xã Tân Hạnh	Xã Lộc Hòa	Xã Phú Quới	Xã Thạnh Quới	Xã Hòa Phú
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(19)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
9	Khu đô thị (trong đó có khu đô thị mới)	DTC	261,01	261,01														
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM	53,65	1,88	1,72	1,53	1,72	7,92	0,95	1,01	10,36	7,22	1,50	6,22	4,55	2,45	1,50	3,13
11	Khu đô thị - thương mại - dịch vụ	KDV	177,93	14,25		4,04		4,70						27,19		127,75		
12	Khu dân cư nông thôn	DNT	8.353,05		390,51	450,56	521,83	584,16	718,37	700,19	1.170,12	772,93	501,93	680,01	406,65	444,32	356,94	654,53
13	Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	KON	1.567,94		91,66	96,32	128,52	128,57	83,37	84,76	270,02	101,88	90,65	112,09	101,47	146,62	58,54	73,48

Ghi chú: Khu chức năng không tổng hợp khi tính diện tích tự nhiên

2. Kế hoạch thu hồi các loại đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp xã (ha)														
				Thị trấn Long Hồ	Xã Long An	Xã Phú Đức	Xã Long Phước	Xã Thanh Đức	Xã Bình Hòa Phước	Xã Hòa Ninh	Xã Đồng Phú	Xã An Bình	Xã Phước Hậu	Xã Tân Hạnh	Xã Lộc Hòa	Xã Phú Quới	Xã Thạnh Quới	Xã Hòa Phú
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	Đất nông nghiệp	NNP	60,70	1,01	0,72		0,09	0,06				10,62	10,55	3,52	4,12	0,64		29,38
1.1	Đất trồng lúa	LUA	26,07										1,10		1,98	0,45		22,54
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	26,07										1,10		1,98	0,45		22,54
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,52		0,16		0,09						0,17		0,10			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	33,18	1,01	0,56			0,06				9,69	9,28	3,52	2,04	0,19		6,84
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,93									0,93						
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH																
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	10,34	1,22				0,06				8,76		0,30				

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất:

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính cấp xã (ha)														
				Thị trấn Long Hồ	Xã Long An	Xã Phú Đức	Xã Long Phước	Xã Thanh Đức	Xã Bình Hòa Phước	Xã Hòa Ninh	Xã Đồng Phú	Xã An Bình	Xã Phước Hậu	Xã Tân Hạnh	Xã Lộc Hòa	Xã Phú Quới	Xã Thanh Quới	Xã Hòa Phú
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	259,18	11,20	15,43	10,16	12,06	12,89	9,74	9,96	15,19	24,71	22,72	20,26	20,10	21,33	14,25	39,19
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	88,21	3,43	5,45	4,78	6,56	5,66					5,73	5,49	7,88	10,06	5,98	27,18
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	<i>88,21</i>	<i>3,43</i>	<i>5,45</i>	<i>4,78</i>	<i>6,56</i>	<i>5,66</i>					<i>5,73</i>	<i>5,49</i>	<i>7,88</i>	<i>10,06</i>	<i>5,98</i>	<i>27,18</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	4,41		0,16		0,09	2,00					0,27		1,89			
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	163,03	7,77	9,82	5,28	5,41	5,23	9,74	9,96	14,77	22,67	16,71	14,77	9,47	11,17	8,27	12,01
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	3,53			0,10					0,42	2,04			0,85	0,11		
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN																
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		54,08	7,89	3,82	4,53	0,67	3,25	0,10	0,10	0,10	0,10	2,68	0,20	9,29	10,28	5,74	5,32
	<i>Trong đó:</i>																	
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN	51,48	7,69	3,62	4,33	0,47	3,05					2,48	0,002	9,09	10,08	5,54	5,12
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS																
2.3	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS																
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,66	0,51		0,07				0,01			0,01	0,02	0,03			

Ghi chú: PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:

Trong năm 2024, trên địa bàn huyện không có nhu cầu đưa đất chưa sử dụng vào khai thác sử dụng.

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ và đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai;
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt;
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Hồ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- CT, P.CT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Phòng KTNV;
- Lưu: VT, 4.08.05.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH